

TT	H LđT	TÊN	Toán	V t lĩ	Ho` h c	Sinh v t	Tin h c	VN h c	L ch s	ñ a lĩ	Ngo i ng	GD CD	Cng ngh	Th d c	GDQP	Ngh PT	ñ TB CM	H nh ki m	H c l c	Danh hi u	XH L p	XH Kh i
1	Tr ng Nguy n Ph ng	Anh	5.8	5.3	5.7	7.0	5.0	5.8	9.5	8.0	7.3	6.8	6.7	ñ		7.3	6.6		Khá		3	
2	Ph m Nguy n L ²	Danh	7.3	3.3	7.0	3.7	3.0	5.0	5.0	6.0	4.0	7.0	7.3	ñ		5.8	5.3		Y u		21	
3	Nguy n VN Tu n	D ng	4.8	1.7	1.7	3.3	5.0	3.8	1.5	5.0	2.8	5.0	5.3	ñ		6.0	3.6		Kém		41	
4	Ph m ñ nh	ñ c	6.5	4.0	4.7	4.3	4.0	5.3	6.0	5.0	2.8	6.3	7.3	ñ		6.8	5.1		Y u		26	
5	Tr n Huy	Hà	4.8	2.0	3.7	5.3	8.0	4.8	6.5	8.0	6.8	7.3	6.3	ñ		7.2	5.8		Y u		15	
6	Tr n Thu	Hà	5.8	5.0	1.3	5.3	5.0	5.5	6.0	8.7	5.8	6.8	6.3	ñ		6.7	5.6		Y u		17	
7	Phan Minh	Hi u	4.3	0.7	7.3	6.3	1.0	3.3	7.0	4.0	4.5	4.5	5.7	ñ		7.3	4.4		Kém		37	
8	Tr n	Hoàng	4.5	4.0	4.7	5.7	4.0	4.5	7.0	7.0	5.0	7.0	6.3	ñ		7.2	5.4		T.bình		9	
9	Nguy n T n	Hùng	7.0	4.0	2.0	3.3	7.0	3.3	7.0	5.0	3.7	3.0	9.0	ñ		6.0	4.9		Y u		31	
10	Nguy n ñ c	Huy	5.8	5.3	2.3	7.0	5.0	4.3	6.0	7.7	7.3	5.5	9.7	ñ		7.2	6		Y u		12	
11	Tr n Ho@	H ng	7.5	6.0	8.0	8.0	10.0	5.8	8.0	8.3	7.5	6.0	10.0	ñ		8.2	7.7		Khá		1	
12	Huunh Duy	Khang	3.0	4.3	4.3	4.7	8.0	3.0	5.0	6.7	4.3	6.0	5.7	ñ		5.0	5		Y u		30	
13	Mai Nguy n Trung	Kiên	4.8	2.7	2.3	4.7	8.0	3.8	4.5	7.7	2.8	4.8	8.0	ñ		6.3	4.9		Y u		31	
14	ñ Th M	Linh	5.5	1.3	3.3	5.3	7.0	6.0	6.0	5.7	4.7	7.8	7.3	ñ		6.7	5.4		Y u		19	
15	S m Vi t	Long	4.8	5.0	1.7	6.7	6.0	6.3	7.5	6.3	3.5	6.5	6.0	ñ		6.7	5.5		Y u		18	
16	Ph m Huunh Ng c	Minh	5.0	5.7	3.7	6.7	3.0	5.5	7.0	3.0	5.0	4.8	7.0	ñ		7.0	5.1		Y u		26	
17	Nguy n Th@h	M	7.0	1.0	3.0	3.0	2.0	4.3	2.0	6.3	3.8	4.5	8.0	ñ		5.8	4.1		Kém		39	
18	Tr n VN	Nghĩa	6.8	4.3	6.0	5.7	3.0	5.8	4.5	5.7	3.5	4.0	8.0			6.7	5.2		Y u		22	
19	Nguy n ñ o@ Kim	Nguyên	5.8	3.3	2.3	6.7	8.0	6.8	6.5	7.0	6.3	7.3	6.0	ñ		6.8	6		Y u		12	
20	Nguy n Tr n Th o	Nhi	7.5	5.0	2.0	1.3	9.0	5.8	7.0	7.7	4.3	7.0	6.3	ñ		7.2	5.7		Y u		16	
21	Nguy n Th H ng	Nhung	7.0	6.0	7.7	6.7	6.0	5.8	9.0	9.7	8.5	7.0	10.0	ñ		7.0	7.6		Khá		2	
22	Tô Thanh	Phú														5.0						
23	Nguy n ñ o@ Th@h	Phúc	7.0	5.0	3.0	6.0	8.0	5.3	8.0	7.3	4.8	5.5	7.3	ñ		7.0	6.1		Y u		11	
24	ñ Trung	Quân	4.5	4.3	1.3	4.0	5.0	5.0	5.5	7.3	3.5	7.0	5.7	ñ		7.0	4.8		Kém		35	
25	V½Li²u T n	Qui	6.5	3.7	5.3	5.7	6.0	3.3	6.0	6.3	3.8	4.5	8.0	ñ		7.2	5.4		Y u		19	
26	Huunh Ch´	Quy n	6.0	7.0	4.3	6.3	7.0	5.8	8.0	8.0	3.5	6.0	8.7	ñ		7.3	6.4		T.bình		5	
27	Tr ng Anh	Tâm	9.0	5.0	3.3	4.0	7.0	3.8	5.5	6.7	6.5	5.3	8.3	ñ		7.3	5.9		Y u		14	
28	Huunh Thi² n	Thanh	5.8	4.7	2.3	4.3	8.0	3.3	5.0	3.0	4.5	5.5	5.7	ñ		5.7	4.7		Y u		33	
29	Ph m Th Ph ng	Th o	6.0	5.3	3.7	5.3	8.0	5.8	5.5	6.3	6.8	5.8	7.0	ñ		6.8	6		T.bình		6	
30	D ng Quang	Thi n	7.3	3.0	7.0	6.0	2.0	2.8	5.5	4.7	7.0	4.3	6.7	ñ		7.0	5.1		Y u		26	
31	Tr n L² M ng	Th ng	6.5	4.0	5.0	6.3	7.0	5.0	7.0	5.7	6.0	5.0	8.3	ñ		6.8	6		T.bình		6	
32	Ph m Tr n	Ti n	4.8	3.7	3.0	4.3	7.0	5.5	3.0	6.7	3.5	6.0	9.0	ñ		7.0	5.1		Y u		26	
33	L² Huunh	Trâm	2.0	2.0	1.7	3.3	2.0	4.8	3.0	7.0	4.5	5.0	7.0	ñ		6.0	3.8		Kém		40	
34	Tr n Minh	Triết	7.8	5.0	8.7	6.3	7.0	5.5	5.5	8.0	5.5	5.5	6.3	ñ		7.8	6.5		Khá		4	

TT	H Ld	T	TÊN	Toán	V t lĩ	Ho h c	Sinh v t	Tin h c	VN h c	L ch s	ñ a lĩ	Ngo i ng	GDCD	C»ng ngh	Th d c	GDQP	Ngh PT	ñ TB CM	H nh ki m	H c l c	Danh hi u	XH L p	XH Kh i
35	Nguy n ñ ùnh		Tú	6.5	3.3	2.7	5.3	6.0	5.0	4.5	7.7	3.8	5.5	7.0	ñ		7.2	5.2		Y u		22	
36	Nguy n Ng c		Tuy n	6.5	2.0	5.3	6.3	6.0	4.8	4.5	4.0	4.0	5.8	7.7	ñ		5.7	5.2		Y u		22	
37	V½Ph ng		Uyên	3.0	1.7	1.0	6.0	4.0	3.8	2.5	6.7	3.0	5.0	9.0	ñ		6.5	4.2		Kém		38	
38	Quan Ng c		Vân	4.8	2.3	2.7	6.7	5.0	3.8	5.0	7.7	4.0	5.8	9.7	ñ		6.8	5.2		Y u		22	
39	Tr nh L²		Vi	4.8	2.0	2.0	5.3	5.0	5.3	6.0	5.3	2.0	4.3	9.3	ñ		6.5	4.7		Y u		33	
40	ñ Th		Vinh	7.0	5.3	4.3	6.7	5.0	5.8	8.0	5.7	6.3	5.5	6.0	ñ		6.7	6		T.bình		6	
41	Nguy n Quang		Vinh	7.8	5.0	4.0	3.7	5.0	5.0	5.5	5.3	6.8	5.0	6.7	ñ		6.7	5.4		T.bình		9	
42	Tr n Ph ng Anh		VIO	6.0	5.0	0.7	6.7	1.0	4.8	2.5	5.7	4.5	5.5	7.7	ñ		6.7	4.6		Kém		36	
43																							
44																							
45																							

		Toán	V t lĩ	Ho h c	Sinh v t	Tin h c	VN h c	L ch s	ñ a lĩ	Ngo i ng	GDCD	C»ng ngh	Th d c	GDQP	Ngh PT	ñ TB CM	H nh ki m	H c l c	Danh hi u
Gi i		1	0	2	1	9	0	6	7	1	0	15	0	0	1	0	0	0	0
	%	2.4	0	4.8	2.4	21.4	0	14.3	16.7	2.4	0	35.7	0	0	2.4	0	0	0	0
Khá		17	1	4	9	7	1	9	14	8	11	13	40	0	31	4	0	4	0
	%	40.5	2.4	9.5	21.4	16.7	2.4	21.4	33.3	19	26.2	31	95.2	0	73.8	9.5	0	9.5	0
T.Bình		10	15	5	17	14	22	16	15	7	21	13	0	0	10	26	0	6	
	%	23.8	35.7	11.9	40.5	33.3	52.4	38.1	35.7	16.7	50	31	0	0	23.8	61.9	0	14.3	
Y u		10	10	9	9	3	12	4	3	20	8	0	0	0	0	11	0	24	
	%	23.8	23.8	21.4	21.4	7.1	28.6	9.5	7.1	47.6	19	0	0	0	0	26.2	0	57.1	
Kém		3	15	21	5	8	6	6	2	5	1	0	0	0	0	0		7	
	%	7.1	35.7	50	11.9	19	14.3	14.3	4.8	11.9	2.4	0	0	0	0	0		16.7	

Bình quª n Li m TBCM : 5.3

TCN BÑNH, 14 th ng 11 nÑm 2015

Gi o vi²n Ch nh i m

Hi u tr ng

Tr n Qu c Tu n